

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2023/HNGĐ-ST**

Ngày **10/5/2023**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn, tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thuận**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đỉnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị H** - sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Minh S** - sinh năm 1953 (vắng mặt phiên tòa lần thứ hai)

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

** Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Lê Minh S về phân chia tài sản ly hôn:*

Ông **Lê Quang Đ**, sinh năm 1957. Theo giấy ủy quyền ngày 17/01/2022 (có mặt, khi tuyên án vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:** Bà Võ Thị H và ông Lê Minh S tìm hiểu quen biết nhau khoảng 1 năm rồi

chung sống với nhau vào năm 1977, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V , huyện T , tỉnh Đồng Tháp ngày 01/10/1977.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà H với ông S không hợp nhau, ông S ngoại tình rồi thiếu nợ làm cho bà H phải trả nợ nhiều lần, nhiều lần xúc phạm bà H , vợ chồng ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung:

1. Lê Minh Tuấn A - sinh ngày 01/4/1978.

2. Lê Thị Vân A - sinh ngày 26/9/1982.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông S .

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản hoà giải ngày 19/01/2022 và bản tự khai ngày 20/7/2022 bị đơn ông Lê Minh S trình bày:**

Ông S đồng ý với lời trình bày của bà H về ngày vợ chồng chung sống, đăng ký kết hôn, có 02 con chung, có tài sản chung và không có nợ chung như trên là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, theo bà H nói đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng theo ông S đến giờ phút này vợ chồng không có mâu thuẫn gì, trong quá trình chung sống ông S chưa bao giờ lớn tiếng với bà H nên nói ông S nhiều lần xúc phạm bà H là không đúng; bà H nói ông S ngoại tình là không có vì ngày trước ông S đi làm công ty có quen biết những người phụ nữ khác theo kiểu giao tiếp trong công việc làm ăn mua bán vì ông S là giám đốc công ty chứ không có việc tiếp xúc thân thể với những người phụ nữ khác, do làm ăn mua bán đầu tư riêng khi đó vàng trượt giá nên ông S mới thua lỗ, khi đó có bán nhà để trả nợ, sau đó vợ chồng cùng con cái mới về Kiên Giang làm ăn sinh sống lại từ đầu, vợ chồng ly thân từ năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông S đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: 01 căn nhà chiều ngang 4,5m dài 32 m, nhà cấp 3 xây bê tông lợp tôn, cất trên miếng đất ngang 4,5m dài 32 m, giấy chứng nhận QSDĐ do bà H đứng tên và đang giữ, căn nhà và đất trị giá 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), ngoài ra còn 1 số hàng hóa là vải vóc, quần áo trẻ em may sẵn, trị giá khoảng 500.000.000

đồng (Năm trăm triệu đồng), do bà H quản lý và buôn bán tại nhà, đất và nhà tọa lạc tại khu phố A, thị trấn T.

+ 01 bộ salon mua vào năm 2010 17.000.000 đồng (hiện tại đến thời điểm này giá trị khoảng 55.000.000đồng)

+ 04 tủ gỗ chiều ngang 1,3m cao 1,8m, 1 cái 2 triệu x 4 = 8 triệu.

+ 01 giường đôi 1m6 x 2, giá 3 triệu.

+ 2 cái máy điều hòa nhiệt độ: 1 cái 5 triệu x 2 = 10 triệu.

+ 01 tủ áo gỗ 2m x 2m, giá 15 triệu.

+ 01 tủ lạnh giá 10 triệu.

Tổng giá trị tài sản của vợ chồng khoảng: 1.601.000.000đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ một triệu); ông S yêu cầu chỉ nhận 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), còn toàn bộ tài sản chung của vợ chồng ông S sẽ để lại hết cho bà H được toàn quyền sở hữu nhà và các tài sản nêu trên.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Lê Minh S về phân chia tài sản ly hôn ông Lê Quang Đ trình bày:** 01 căn nhà chiều ngang 4,5m dài 32 m, nhà cấp 3 xây bê tông lợp tôn, cất trên miếng đất ngang 4,5m dài 32 m, giấy chứng nhận QSDĐ do bà H đứng tên và đang giữ, căn nhà và đất trị giá 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), ngoài ra còn 1 số hàng hóa là vải vóc, quần áo trẻ em may sẵn, trị giá khoảng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), do bà H quản lý và buôn bán tại nhà, đất và nhà tọa lạc tại khu phố A, thị trấn T.

+ 01 bộ salon mua vào năm 2010 là 17.000.000 đồng (hiện tại đến thời điểm này giá trị khoảng 55.000.000đồng)

+ 04 tủ gỗ chiều ngang 1,3m cao 1,8m, 1 cái 2 triệu x 4 = 8 triệu.

+ 01 giường đôi 1m6 x 2, giá 3 triệu.

+ 2 cái máy điều hòa nhiệt độ: 1 cái 5 triệu x 2 = 10 triệu.

+ 01 tủ áo gỗ 2m x 2m, giá 15 triệu.

+ 01 tủ lạnh giá 10 triệu. Tổng giá trị tài sản của vợ chồng khoảng: 1.601.000.000đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ một triệu đồng); ông S yêu cầu chỉ nhận 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), còn toàn bộ tài sản chung của vợ chồng ông S sẽ để lại hết cho bà H được toàn quyền sở hữu nhà và các tài sản nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông S phản tố tranh chấp tài sản với bà H, Tòa án nhân dân huyện T ra thông báo hai lần về việc nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, nhưng ông S không có khả năng nộp.

Tại phiên tòa ông Lê Quang Đ đại diện ủy quyền cho ông S yêu cầu: Đối với yêu cầu phản tố của ông S tranh chấp tài sản chung vợ chồng với bà H, ông S xin rút lại yêu

cầu phản tố, sau này ông S sẽ khởi kiện lại tranh chấp tài sản sau khi ly hôn thành vụ kiện khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử, nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với của bà Võ Thị H được ly hôn với ông S .

- *Về quan hệ con chung*: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố chia tài sản chung của ông Lê Minh S theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Minh S có địa chỉ và hộ khẩu thường trú tại khu phố A, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S chung sống với nhau được UBND xã V , huyện T , tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/10/1977, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng bà Hoa, ông S chung sống với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà H cho rằng hai bên không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, ông S không có trách nhiệm với vợ con, ông S nhiều lần xúc phạm đến bà Hoa. Tại phiên tòa, bà H thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án ông S có lúc xin đoàn tụ, tại biên bản hòa giải ngày 19/01/2022 và bản tự khai ngày 20/7/2022 ông S đồng ý ly hôn với bà Hoa. Mặt khác, bà H và ông S đã ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H , ông S đã

đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H được ly hôn với ông S .

[3] Về quan hệ con chung: bà H, ông S xác nhận vợ chồng có 2 con chung: Lê Minh Tuấn A, sinh năm 1978 và Lê Thị Vân A, sinh năm 1982, các cháu hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Minh S , theo đơn phản tố ông S yêu cầu chia tài sản chung như ông S đã trình bày trên, tổng giá trị tài sản chung là 1.601.000.000đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ một triệu); ông S yêu cầu chia đôi tài sản, bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông S số tiền là 800.500.000đ (Tám trăm triệu năm trăm nghìn đồng), bà H được toàn quyền sở hữu nhà và các tài sản nêu trên. Đến ngày 20/7/2022, ông S yêu cầu chỉ nhận 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), còn toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, ông S sẽ để lại hết cho bà H được toàn quyền sở hữu nhà và các tài sản nêu trên.

Tòa án nhân dân huyện T ra Thông báo số 164/2022/TB-TA ngày 21/11/2022 (lần nhất) và Thông báo số 19/2023/TB-TA ngày 02/02/2023 (lần hai). Về việc nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ cho ông S và ông Lê Quang Đ đại diện ủy quyền cho ông S về tranh chấp tài sản ly hôn với bà H, nhưng ông S đã không nộp cho Tòa án tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố chia tài sản chung của ông S theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông S xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà H được miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm do là người cao tuổi. Ông S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố do là người cao tuổi.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm đ khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị H được ly hôn với ông Lê Minh S .

2. Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu phân tố chia tài sản chung của ông S theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị H được miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm do là người cao tuổi. Trả lại cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004610 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Ông Lê Minh S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phân tố do là người cao tuổi.

6. Quyền kháng cáo: báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông S vắng mặt tại phiên tòa, ông Lê Quang Đăng vắng mặt khi tuyên án thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày ông S , ông Đăng nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã V ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến